

SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM Y TẾ II. KIẾN THUY

DANH SÁCH NHÂN VIÊN Y TẾ TẠI CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆNH NĂM 2020

Sr	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề KCB	Ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn ghi trong CCHN	Chứng chỉ khác	Khoa/Bộ phận
1	Phạm Văn Dương	27/4/1962	Bác sỹ cao cấp	000733/HP-CCHN	14/9/2012	KB, CB CK Nhi	Chứng chỉ hồi sức, chứng chỉ lọc máu	Người chịu trách nhiệm chuyên môn của TTYT, Bác sỹ KB, CB CK Nhi
2	Ngô Văn Tiến	10/10/1972	Bác sỹ CK I Nội	002795/HP-CCHN	26/11/2013	KB, CB Nội, Nhi	Chứng chỉ điện tim, Chứng nhận CK Đa liễu, chứng chỉ siêu âm	Khoa Nội – Hồi sức /Phó giám đốc
3	Trần Thị Thành	17/8/1969	Bác sỹ CK I Nội	002786/HP-CCHN	26/11/2013	KB, CB Nội, Nhi	Chứng chỉ điện tim	Khoa khám bệnh/Phó giám đốc
4	Phạm Thị Hai Thanh	18/7/1976	Bác sỹ CK I Sản	001422/HP-CCHN	10/01/2013	KB, CB Ngoại, sản	Chứng chỉ điện tim, chứng chỉ siêu âm	Khoa CSSK SS/Phó giám đốc
5	Đào Thị Nguyệt	20/8/1979	Bác sỹ đa khoa	002805/HP-CCHN	26/11/2013	Nội Nhi	Chứng chỉ điện tim	Khoa Nội, hồi sức
6	Hoàng Văn Thái	27/10/1988	Bác sỹ	006980/HP-CCHN	15/04/2015	KB, CB Nội, Nhi	Chứng chỉ điện tim, chứng chỉ nội soi dạ dày	Khoa Nội, hồi sức
7	Nguyễn Thị Nhung	21/02/1987	Bác sỹ	002783/HP-CCHN	26/11/2013	KB, CB Nội, Nhi	Chứng chỉ điện tim	Khoa Nội, hồi sức

8	Vũ Thị Thu Hiền	01/10/1981	Bác sỹ	009071/HP- CCHN	31/12/2015	KB,CB Sản	Khoa Nội, hồi sức
9	Nguyễn Thị Lệ	21/11/1981	Bác sỹ đa khoa	010158/HP- CCHN	20/11/2017	KB, CB Nội, Nhi	Khoa Nội, hồi sức
10	Khúc Thị Mơ	05/11/1982	Điều dưỡng	002833/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 10/22/4/2005	Khoa Nội, hồi sức
11	Hoàng Thị Vân Chi	23/4/1984	Điều dưỡng	002815/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Khoa Nội, hồi sức
12	Phạm Thị Nguyệt	14/10/1980	Điều dưỡng	002830/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Khoa Nội, hồi sức
13	Nguyễn Thị Thùy	21/6/1988	Điều dưỡng	002777/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Khoa Nội, hồi sức
14	Phan Thị Thương	04/6/1987	Điều dưỡng	002800/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Khoa Nội, hồi sức
15	Đoàn Thúy Hoà	08/2/1993	Điều dưỡng	009270/HP- CCHN	26/09/2016	Theo TT số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015	Khoa Nội, hồi sức
16	Nguyễn Thị Thúy Hoàn	08/3/1974	Điều dưỡng	002780/HP- CCHN	26/11/2013	Theo TT 12/2011/TT- BYT ngày 15/03/2011	Khoa Nội, hồi sức
17	Ngô Thị Hoa	15/01/1985	Điều dưỡng	002762/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Khoa Nội, hồi sức

18	Lê Thị Hồng	06/7/1987	Điều dưỡng	002771/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005		Khoa Nội, hồi sức
19	Đỗ Thị Thanh Thủy	21/3/1985	Điều dưỡng	009763/HP- CCHN	10/5/2017	Theo TT số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015		Khoa Nội, hồi sức
20	Vũ Thị Thanh	23/3/1991	Điều dưỡng	010206/HP- CCHN	08/12/2017	Theo TT số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015		Khoa Nội, hồi sức
21	Trần Thị Hà Duyên	04/10/1994	Điều dưỡng	009269/HP- CCHN	26/09/2016	Theo TT số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015		Khoa Nội, hồi sức
22	Nguyễn Việt Hương	27/8/1994	Điều dưỡng	010396/HP- CCHN	14/05/2018	Theo TT số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015		Khoa Nội, hồi sức
23	Đỗ Thị Duyên	11/7/1995	Điều dưỡng	010372/HP- CCHN	18/42/2018	Theo TT số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015		Khoa Nội, hồi sức
24	Nguyễn Hồng Hải	26/10/1972	Bác sỹ CK Ngoại sản	003049/HP- CCHN	08/12/2013	Ngoại sản	Chứng chỉ điện tim, chứng chỉ siêu âm	Khoa Ngoại - tổng hợp
25	Trịnh Văn Lượng	20/3/1973	Bác sỹ CK Ngoại sản	002765/HP- CCHN	26/11/2013	Ngoại sản, gãy mê	Chứng chỉ điện tim	Khoa Ngoại - tổng hợp
26	Vũ Thanh Bình	30/1/1983	Bác sỹ KB, CB Ngoại,	010730/HP- CCHN	5/11/ 2018	Khám bệnh, chữa bệnh	Chứng chỉ gãy mê	Khoa Ngoại - tổng hợp

			răng hàm mặt			chuyên khoa Ngoại /Răng hàm mặt			
27	Vũ Thị Hoa	02/12/1980	Điều dưỡng	002828/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005		Khoa Ngoại - tổng hợp	
28	Phạm Thị Duyên	09/4/1990	Bác sỹ	010159/HP- CCHN	20/11/2017	CK Ngoại, sản	Chứng chỉ điện tim, chứng chỉ nội sọ cổ tử cung	Khoa Ngoại - tổng hợp	
29	Trần Thị Chuyển	16/02/1990	Điều dưỡng	002776/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005		Khoa Ngoại - tổng hợp	
30	Nguyễn Thị Dung	20/8/1981	Điều dưỡng	005531/HP- CCHN	06/05/2014	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2006		Khoa Ngoại - tổng hợp	
31	Đào Thị Hồng	29/6/1984	Điều dưỡng	002810/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005		Khoa Ngoại - tổng hợp	
32	Vũ Thị Oanh	28/6/1986	Điều dưỡng	009271/HP- CCHN	26/09/2016	Theo TT số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015		Khoa Ngoại - tổng hợp	
33	Mạc Thị Hà	04/11/1988	Điều dưỡng	002806/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005		Khoa Ngoại - tổng hợp	

34	Đặng Thị Hồng	05/2/1993	Điều dưỡng	010624/HP- CCHN	22/8/2018	Theo TT số 26/2015/TT-LT- BYT-BNV ngày 7/10/2015		Khoa Ngoại - tổng hợp
35	Nguyễn Xuân Huy	30/5/1994	Điều dưỡng	011233/HP- CCHN	30/10/2019	Theo TT số 26/2015/TT-LT- BYT-BNV ngày 7/10/2015		Khoa Ngoại - tổng hợp
36	Nguyễn Thị Lương	21/5/1970	Bác sỹ	008845/HP- CCHN	15/04/2016	KB, CB Sản	Chứng chỉ nội soi cổ tử cung	Khoa CSSKSS
37	Nguyễn Đức Quyền	26/7/1985	Bác sỹ DK/H31 Sản	005292/HP- CCHN	17/04/2014	KB, CB Ngoại sản	Chứng chỉ điện tim, chứng chỉ nội soi cổ tử cung	Khoa CSSKSS
38	Đào Thị Minh Lệ	12/8/1972	Hộ sinh Trung học	002781/HP- CCHN	26/11/2013	Theo TT 12/2011/TT- BYT ngày 15/03/2011		Khoa CSSKSS
39	Vũ Thị Liễu	02/6/1982	Hộ sinh Trung học	002825/HP- CCHN	26/11/2013	Theo TT 12/2011/TT- BYT ngày 15/03/2011		Khoa CSSKSS
40	Lưu Thị Hương	25/7/1981	Hộ sinh Trung học	002818/HP- CCHN	26/11/2013	Theo TT 12/2011/TT- BYT ngày 15/03/2011		Khoa CSSKSS
41	Bùi Thị Thu Hằng	05/5/1976	Hộ sinh Trung học	002794/HP- CCHN	26/11/2013	Theo TT 12/2011/TT- BYT ngày 15/03/2011		Khoa CSSKSS
42	Vũ Thị Tâm	01/4/1986	Hộ sinh Trung học	002842/HP- CCHN	26/11/2013	Theo TT 12/2011/TT- BYT ngày 15/03/2011		Khoa CSSKSS

43	Nguyễn Thị Châm	20/10/1974	Cử nhân sản phụ khoa	002793/HP-CCHN	26/11/2013	Theo TT 12/2011/TT-BYT ngày 15/03/2011	Khoa CSSKSS
44	Nguyễn Thị Hiền	9/7/1982	Liệt sinh Trung học	002780/HP-CCHN	26/11/2013	Theo TT 12/2011/TT-BYT ngày 15/03/2011	Khoa CSSKSS
45	Cao Đức Huy	24/4/1964	Bác sỹ CKI Nhi	002787/HP-CCHN	26/11/2013	KB, CB Nội, Nhi	Khoa Nhi - lấy
46	Đào Thị Kim Hoa	28/5/1975	Bác sỹ	002803/HP-CCHN	26/11/2013	KB, CB Nội, Nhi	Khoa Nhi - lấy
47	Ngô Quang Hiếu	05/6/1987	Bác sỹ	007005/HP-CCHN	25/04/2015	KB, CB Nội, Nhi	Khoa Nhi - lấy
48	Dỗ Thị Mơ	05/10/1983	Điều dưỡng	002789/HP-CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Khoa Nhi - lấy
49	Mai Thị Thu Duyên	09/3/1979	Điều dưỡng	002811/HP-CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Khoa Nhi - lấy
50	Nguyễn Quốc Hưng	18/9/1980	Điều dưỡng	002812/HP-CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Khoa Nhi - lấy

51	Mạc Thị Ngân	08/5/1987	Điều dưỡng	002836/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005		Khoa Nhi - lấy
52	Phạm Thị Hiền	26/5/1965	Điều dưỡng	005532/HP- CCHN	06/05/2014	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005		Khoa Nhi - lấy
53	Trần Thị Nga	17/5/1991	Điều dưỡng	002835/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005		Khoa Nhi - lấy
54	Vũ Thị Song Nhi	20/5/1993	Điều dưỡng	006559/HP- CCHN	15/11/2014	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005		Khoa Nhi - lấy
55	Nguyễn Minh Hằng	01/7/1990	Điều dưỡng	005533/HP- CCHN	06/05/2014	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005		Khoa Nhi - lấy
56	Bùi Thị Hạnh	6/10/1993	Điều dưỡng cao đẳng	010655/HP- CCHN	18/09/2018	Theo Quy định tại TT số 26/2015/TTLT- BVT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chẩn, chức danh nghề nghiệp, ĐD, HS, KTV		Khoa Nhi - lấy
57	Hoàng Văn Khôi	29/11/1974	Bác sỹ	002774/HP- CCHN	26/11/2013	KB, CB Nội, Nhi	Chứng chỉ điện tâm, Chứng nhận siêu âm thực hành, Chứng nhận Nội soi dạ dày - tá	Khoa khám bệnh

58	Trần Văn Toán	20/8/1976	Bác sỹ	002822/HP- CCHN	26/11/2013	KB, CB Nội, CK RHM	trắng Chứng chỉ điện tim	Khoa khám bệnh
59	Phạm Thị Nhung	12/5/1972	Bác sỹ	009881/HP- CCHN	04/08/2017	Nội khoa	Chứng chỉ điện tim, Chứng nhận đào tạo chẩn đoán và điều trị HIV AIDS	Khoa khám bệnh
60	Vũ Thị Quyên	02/4/1982	Bác sỹ ĐK/CK ĐH Mắt	007032/HP- CCHN	25/05/2015	KB, CB Chuyên khoa Mắt	Chứng chỉ điện tim, Chứng chỉ mắt	Khoa khám bệnh
61	Bùi Hữu Các	08/10/1973	Bác sỹ đa khoa	09754/HP-CCHN	10/05/2017	KB, CB Nội, Nhi	Chứng chỉ điện tim	Khoa khám bệnh
62	Lưu Yến Minh	30/01/1989	Bác sỹ đa khoa/ĐH TMH	006979/HP- CCHN	15/04/2015	KB, CB CK TMH	Chứng chỉ điện tim; Chứng nhận kỹ thuật thực hành nội soi tai mũi họng	Khoa khám bệnh
63	Nguyễn Thế Quyền	23/04/1976	Bác sỹ	011124/HP- CCHN	02/08/2019	Khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt		Khoa xét nghiệm và CBHA
64	Hoàng Thị Lý	05/5/1988	Điều dưỡng	007117/HP- CCHN	07/07/2015	Theo QD số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Chứng nhận đào tạo chẩn đoán và điều trị HIV AIDS	Khoa khám bệnh
65	Cao Hữu Thọ	20/12/1987	Y sỹ/Điều dưỡng	009273/HP- CCHN	26/09/2016	Theo IT số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015		Khoa khám bệnh
66	Bùi Bích Ngọc	09/12/1993	Điều dưỡng	009272/HP- CCHN	26/09/2016	Theo IT số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015		Khoa khám bệnh

76	Nguyễn Thị Thu Hiền	01/01/1993	Y sỹ đa khoa	008676/HP- CCHN	20/01/2016	Theo QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Khoa khám bệnh
77	Đào Thị Huyền	09/4/1979	Điều dưỡng trung học	002838/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Khoa khám bệnh
78	Nguyễn Thị Lệ An	01/01/1983	Điều dưỡng trung học	002827/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Khoa khám bệnh
79	Phạm Hùng Thọ	24/4/1984	Bác sỹ YHCT	002767/HP- CCHN	26/11/2013	KB, CB bằng YHCT	Khoa YHCT- PHCN
80	Nguyễn Trung Kiên	27/12/1983	Bác sỹ YHCT	000637/HP- CCHN	31/03/2017	KB, CB YHCT	Khoa YHCT- PHCN
81	Vũ Minh Khoa	17/3/1985	Bác sỹ	006558/HP- CCHN	10/05/2017	KB, CB YHCT, VLTL, PHCN	Khoa YHCT- PHCN
82	Nguyễn Thị Doan	22/12/1987	Bác sỹ YHCT	008238/HP- CCHN	31/03/2017	KB, CB bằng YHCT	Khoa YHCT- PHCN
83	Dòng Thị Thúy	15/7/1982	Điều dưỡng	002813/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005; KTV phục hồi chức năng - VLTL	Khoa YHCT- PHCN
84	Nguyễn Thị Linh	16/9/1992	Điều dưỡng/GCN LLTL - PHCN	010123/HP- CCHN	61/12/2017	KTV VLTL - PHCN	Khoa YHCT- PHCN
85	Đào Văn Tuấn	27/9/1991	Y sỹ YHCT	009261/HP- CCHN	26/09/2016	KB, CB bằng YHCT	Khoa YHCT- PHCN
86	Nguyễn Thị Kim Dung	19/5/1989	Y sỹ YHCT	002769/HP- CCHN	26/11/2013	KB, CB bằng YHCT	Khoa YHCT- PHCN
87	Trần Thị Hòa	16/7/1983	Y sỹ YHCT	002816/HP- CCHN	26/11/2013	KB, CB bằng YHCT	Khoa YHCT- PHCN
88	Trương Thị Thu Hiền	25/5/1982	Điều dưỡng	005525/HP- CCHN	06/05/2014	Theo QĐ số 41/2005/QĐ-	Khoa YHCT- PHCN

						BNV ngày 22/4/2005		
89	Đinh Thị Ánh Vân	16/9/1985	Y sỹ YHCT	002766/HP- CCHN	26/11/2013	KB, CB bảng YHCT		Khoa YHCT- PHCN
90	Nguyễn Thị Thanh Bình	30/10/1975	- Chịu trách nhiệm chuyển món về được của quầy thuốc.	187/CCHND- SYT-HP	30/10/2017	187/CCHND- SYT-HP		Khoa YHCT- PHCN
91	Lương Thị Hương	01/7/1988	Y sỹ YHCT	002840/HP- CCHN	26/11/2013	KB, CB bảng YHCT		Khoa YHCT- PHCN
92	Đỗ Hải Châu	20/6/1972	Bác sỹ CKI CDHA	002791/HP- CCHN	26/11/2013	CK CDHA	Chứng chỉ điện tim	Khoa xét nghiệm và CDHA
93	Nguyễn Văn Long	26/02/1974	Cử nhân sinh học	002778/HP- CCHN	26/11/2013	Chuyên khoa XN		Khoa xét nghiệm và CDHA
94	Vũ Thị Quyến	09/9/1973	Bác sỹ đa khoa	008990/HP- CCHN	21/06/2016	KB, CB Nội, Nhi	Chứng chỉ điện tim, chứng chỉ siêu âm	Khoa xét nghiệm và CDHA
95	Ngô Thị Thanh Mai	5/11/1990	Cử nhân xét nghiệm	006981/HP- CCHN	15/04/2015	Chuyên khoa XN		Khoa xét nghiệm và CDHA
96	Nguyễn Thị Hương	29/9/1989	Kỹ thuật viên xét nghiệm	002832/HP- CCHN	26/11/2013	Chuyên khoa XN		Khoa xét nghiệm và CDHA
97	Nguyễn Thị Dung	03/8/1985	BD/KTV Xét nghiệm trung học	002834/HP- CCHN	26/11/2013	Thực hiện chuyển môn KT Xét nghiệm		Khoa xét nghiệm và CDHA
98	Nguyễn Quang Đê	01/12/1960	KTV Chụp X quang	002844/HP- CCHN	26/11/2013	Thực hiện kỹ thuật chụp X- quang		Khoa xét nghiệm và CDHA
99	Vũ Văn Trường	29/10/1986	BD/KTV CDHA trung	005538/HP- CCHN	06/05/2014	KTV chụp X- Quang		Khoa xét nghiệm và

		học						CDHA
100	Hoàng Đức Danh	27/8/1988	ĐD/KTV CDHA trung học	005539/HP- CCHN	06/05/2014	KTV chụp X- Quang		Khoa xét nghiệm và CDHA
101	Đoàn Thị Ngọc An	16/8/1990	KTV Xét nghiệm trung học	002775/HP- CCHN	26/11/2013	Thực hiện chuyên môn KT Xét nghiệm		Khoa xét nghiệm và CDHA
102	Nguyễn Thị Thương	06/11/1988	ĐD/KTV Xét nghiệm trung học	005540/HP- CCHN	06/05/2014	KTV Xét nghiệm		Khoa xét nghiệm và CDHA
103	Phạm Thị Nga	04/4/1981	Điều dưỡng/KTV xét nghiệm	006318/HP- CCHN	2/8/2014	KTV Xét nghiệm		Khoa xét nghiệm và CDHA
104	Đào Thu Trang	31/10/1988	Y sỹ/Điều dưỡng	009282/HP- CCHN	26/09/2016	Theo TT số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015		Khoa xét nghiệm và CDHA
105	Nguyễn Khắc Cường	28/5/1966	Bác sỹ	002841/HP- CCHN	26/11/2013	KB, CB Nội, Nhi, CDHA	Chứng chỉ điện tim, Chẩn đoán hình ảnh,	Cơ sở II Tú Sơn
106	Đồng Thị Mai Anh	17/6/1980	Điều dưỡng	000628/HP- CCHN	13/04/2017	Theo TT số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015		Cơ sở II Tú Sơn
107	Bùi Thị Nhiên	19/10/1973	Điều dưỡng	002821/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005		Cơ sở II Tú Sơn
108	Nguyễn Thị Trang	11/7/1991	Cử nhân xét nghiệm	009371/HP- CCHN	27/10/2016	Chuyên khoa xét nghiệm		Cơ sở II Tú Sơn
109	Lê Thị Hương	14/10/1991	Điều dưỡng	005529/HP- CCHN	06/05/2014	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005		Cơ sở II Tú Sơn
110	Nguyễn Thị Hương	30/11/1993	Điều dưỡng	009795/HP- CCHN	01/06/2017	Theo TT số 26/2015/TTLT-		Cơ sở II Tú Sơn

						BYT-BNV ngày 7/10/2015		
111	Hoàng Thị Thái Anh	08/01/1978	Nữ HS/DD trung học	005530/HIP- CCHN	06/05/2014	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005		Cơ sở II Tủ Sơn
112	Bùi Thị Duyên	10/3/1979	V sỹ YHCT/DD TH	005526/HIP- CCHN	06/05/2014	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005		Cơ sở II Tủ Sơn
113	Phạm Thị Thảo	22/8/1984	DD/KTV Xúc nghiệm	006752/HIP- CCHN	17/12/2014	KTV Xúc nghiệm		Cơ sở II Tủ Sơn
114	Phạm Năng Diệp	08/9/1989	DD/KTV CDHA trung học	005537/HIP- CCHN	06/05/2014	KTV chụp X- Quang		Cơ sở II Tủ Sơn
115	Trần Thị Phương	28/5/1983	được sỹ trung học	546/CCHIND- SYT-HP	28/11/2018	Chịu trách nhiệm quản lý chuyên môn về độc của quầy thuốc		Cơ sở II Tủ Sơn
116	Phạm Thị Phương Thảo	12/8/1980	Bác sỹ đa khoa	008561/HIP- CCHN	31/12/2015	CB, CB Nội khoa, CK BS GD		Khoa VSATTP
117	Đông Thị Thu	21/12/1985	V sỹ	000456/HIP- CCHN	13/04/2017	Theo TT/LT số 10/2015/TT-LT- BYT-BNV ngày 27/5/2015		Khoa VSATTP
118	Nguyễn Thị Yên	18/07/1975	Hộ sinh đại học	007311/HIP - CCCN	06/10/2015	Theo TT12/2011/TT- BYT ngày 15/03/2011 của BYT ngành hộ sinh		Khoa VSATTP
119	Nguyễn Thị Ngọc Dung	27/12/1983	Điều dưỡng dại học	000265/HIP- CCHN	18/6/2012	Dịch vụ Y tế		Khoa KSBT và HIV/AIDS

120	Vũ Anh Dũng	27/4/1975	Điều dưỡng	002802/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Phòng điều dưỡng
121	Vũ Thị Thu Hiền	19/3/1977	CN sản phụ khoa	002792/HP- CCHN	26/11/2013	Theo TT 12/2011/TT- BYT ngày 15/03/2011	Phòng điều dưỡng
122	Đỗ Viết Thọ	11/11/1983	Điều dưỡng	002849/HP- CCHN	26/11/2013	Thực hiện KT chụp X quang	Phòng điều dưỡng
123	Vũ Cẩm Thúy	2/2/1976	CN sản phụ khoa	007379/HP- CCHN	13/10/2015	Theo QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Phòng điều dưỡng
124	Đỗ Thị Đưa	9/8/1975	Điều dưỡng	002839/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Phòng tổ chức hành chính
125	Nguyễn Thị Phương	26/6/1990	Điều dưỡng	002819/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Phòng tổ chức hành chính
126	Trần Thị Lân	04/9/1972	Nữ hộ sinh	002796/HP- CCHN	26/11/2013	Theo TT 12/2011/TT- BYT ngày 15/03/2011	Phòng tổ chức hành chính
127	Phạm Thị Thu	10/7/1991	Điều dưỡng	002829/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Phòng Kế hoạch nghiệp vụ
128	Phùng Thị Thanh Hương	10/4/1974	Điều dưỡng	002788/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Phòng Kế hoạch nghiệp vụ
129	Vũ Thị Thắm	02/02/1987	Điều dưỡng	002797/HP- CCHN	26/11/2013	Theo QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	Phòng Kế hoạch nghiệp vụ

130	Dào Văn Cường	20/11/1960	Điều dưỡng	002801/HP-CCHN	26/11/2013	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005		Phòng Kế hoạch nghiệp vụ
131	Nguyễn Thị Hà	08/9/1978	Điều dưỡng	002808/HP-CCHN	26/11/2013	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005		Phòng Kế hoạch nghiệp vụ
132	Vũ Thị Lê	7/10/1966	Dược sỹ đại học	590/HP-CCHND	29/07/2014	Đủ tiêu chuẩn hành nghề theo đúng quy định		Khoa Dược TTB-VTYT
133	Mạc Thị Tuyển	30/01/1977	Dược sỹ đại học	599/HP-CCHND	29/07/2014	Đủ tiêu chuẩn hành nghề theo đúng quy định	Chứng nhận về chẩn đoán và điều trị HIV AIDS	Khoa Dược TTB-VTYT
134	Đỗ Thị Mơ	17/10/1987	Dược sỹ đại học	1422/HP-CCHND	01/03/2016	Đủ tiêu chuẩn hành nghề theo đúng quy định		Khoa Dược TTB-VTYT
135	Nguyễn Đình Hiền	15/02/1986	Dược sỹ đại học	1678/HP-CCHND	21/09/2016	Đủ tiêu chuẩn hành nghề theo đúng quy định		Khoa Dược TTB-VTYT
136	Dương Thu Phương	21/6/1986	Dược sỹ trung học	57/HP-CCHND	28/06/2013	Đủ tiêu chuẩn hành nghề theo đúng quy định		Khoa Dược TTB-VTYT
137	Phạm Thị Thủy	30/10/1975	Dược sỹ trung học	623/HP-CCHND	29/07/2014	Đủ tiêu chuẩn hành nghề theo đúng quy định		Khoa Dược TTB-VTYT
138	Vũ Thương Thương	30/11/1989	Dược sỹ trung học	534/CCHND-SYT-HP	05/11/2018	Đủ tiêu chuẩn hành nghề theo đúng quy định		Khoa Dược TTB-VTYT
139	Đào Thị Kim Chi	05/11/2018	Dược sỹ trung học	533/CCHND-	05/11/2018	Đủ tiêu chuẩn		Khoa Dược

		học	SYT-HP		hành nghề theo đúng quy định	TTB-VTVT
140	Nguyễn Thị Hồng Điệp	13/5/1969	535/CCHND-SYT-HP	05/11/2018	Đủ tiêu chuẩn hành nghề theo đúng quy định	Khoa Dược TTB-VTVT
141	Hoàng Thị Toán	29/7/1982	536/CCHND-SYT-HP	05/11/2018	Đủ tiêu chuẩn hành nghề theo đúng quy định	Khoa Dược TTB-VTVT
142	Phạm Minh Quân	12/02/1990	537/CCHND-SYT-HP	28/11/2018	Đủ tiêu chuẩn hành nghề theo đúng quy định	Khoa Dược TTB-VTVT

Hải Phòng, ngày 20 tháng 11 năm 2019

Người lập

A Dục
Đỗ Thị Đưa

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

BSC II. Phạm Văn Dương